

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/12/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất.

Ông Đinh Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày **01 tháng 12 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **538/2021/TLST-HNGĐ** ngày **29/10/2021** về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **90/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày **15/11/2021**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1981.

Cùng cư trú: Số 2162, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đ.
(chị N có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Quá trình chung sống, anh H không quan tâm gia đình, không phụ chi chăm sóc con chung, chị có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân được 03 năm, chị không còn tình cảm với anh H, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Hứa S, sinh ngày 07/10/2017. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị tiếp tục yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Việc kết hôn và chung sống tự nguyện đúng như chị N trình bày, tuy nhiên quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn và không ly thân nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Hứa S, sinh ngày 07/10/2017. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì bận công việc nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị N được ly hôn với anh H. Về con chung, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu cấp dưỡng nhưng tại phiên tòa chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị chấp nhận; tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị N, anh H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1981, cư trú: Số 2162, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 08/9/2007** nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N tiếp tục xin ly hôn với anh H vì chị nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân 03 năm nay. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ, đồng thời chị N vẫn kiên quyết ly hôn nên xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 02 chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/8/2014 và cháu Nguyễn Hứa S, sinh ngày 07/10/2017, cháu A có nguyện vọng được sống cùng mẹ và anh H đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng và anh H đồng ý, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, xét yêu cầu cấp dưỡng của chị N là có cơ sở vì trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của hai vợ chồng; đồng thời anh H có công việc ổn định, chị N thu nhập không ổn định, đồng thời chị N cũng trình bày chi phí để nuôi dưỡng hai cháu từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng nên để đảm bảo các cháu có cuộc sống ổn định và tốt nhất thì anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng chị N đã yêu cầu.

3.3 - Tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Nguyễn Thị N** về việc “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” với **anh Nguyễn Hữu H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị N** được ly hôn với **anh Nguyễn Hữu H**.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/8/2014 và cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 07/10/2017 cho **chị Nguyễn Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; **anh Nguyễn Hữu H** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Hữu H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí: **Chị Nguyễn Thị N** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000071** ngày **29/10/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. **Chị Nguyễn Thị N** đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hữu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS (03);
- Đường sự (02);
- UBND xã **T** (01);
- Lưu hồ sơ (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương